

Số: 71 /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các công bố trước đây về thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không có liên quan hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Công TTĐT Bộ Xây dựng;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, CHKVN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn

Phụ lục**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BÃI BỎ TRONG
LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
BỘ XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 71 /QĐ-BXD ngày 16 tháng 01 năm 2026 của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính do trung ương giải quyết				
1	1.000312	Cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung	Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng	Bộ Xây dựng; Cục Hàng không Việt Nam
2	1.002899	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại		Cục Hàng không Việt Nam
3	1002903	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại		Cục Hàng không Việt Nam
4	1.000452	Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay		Cục Hàng không Việt Nam
5	1.000465	Cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay		Cục Hàng không Việt Nam
6	1.000574	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không		Cục Hàng không Việt Nam
7	1.000597	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không		Cục Hàng không Việt Nam
8	1.004682	Cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không		Bộ Xây dựng

9	1.002890	Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay để cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng		Bộ Xây dựng, Cục Hàng không Việt Nam
10	1.004706	Đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay		Cục Hàng không Việt Nam
11	1.004711	Chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay		Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không miền Bắc, Cảng vụ hàng không miền Nam, Cảng vụ hàng không miền Trung
12	1.009438	Phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư		Cục Hàng không Việt Nam
13	1.009439	Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình		Cục Hàng không Việt Nam

PHẦN II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính do trung ương giải quyết				
1	1004698	Cấp giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay	Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của	Cục Hàng không Việt Nam
2	1.004696	Cấp lại giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn		Cục Hàng không Việt Nam

		chế của cảng hàng không, sân bay	Bộ Xây dựng	
3	1.002840	Cấp bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay		Cục Hàng không Việt Nam
4	1.003472	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng thương hiệu của hãng hàng không khác đối với hãng hàng không kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại		Cục Hàng không Việt Nam

III. DANH MỤC TTHC NỘI BỘ

1. Danh mục TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực hàng không - Nhóm A được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
1	5.002587	Thiết lập, công bố phương thức liên lạc chung đối với hoạt động bay trong vùng trời cho khu vực bay, đường bay phục vụ hoạt động hàng không chung	Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng	Cục Tác chiến
2	5.002589	Thông báo chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam		Bộ Xây dựng (Cục Hàng không Việt Nam), Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến, Quân chủng Phòng không-Không quân)
3	5.002590	Thông báo chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của nước ngoài		Bộ Xây dựng (Cục Hàng không Việt Nam), Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự)

PHẦN IV. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

1. Cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người đề nghị gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản trả lời người đề nghị và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản thông báo tiếp nhận hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp đóng phí thẩm định theo quy định. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ phí thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam tiến hành thẩm định hồ sơ và báo cáo Bộ Xây dựng kết quả thẩm định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Xây dựng xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp Bộ Xây dựng không chấp thuận kết quả thẩm định thì có văn bản trả lời Cục Hàng không Việt Nam và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Bộ Xây dựng, Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép Bộ Xây dựng cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung. Trường hợp không cho phép, Thủ tướng Chính phủ thông báo tới Bộ Xây dựng và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng cấp Giấy phép theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này hoặc thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc không cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung.

1.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính;

b) Hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 15/2024/NĐ-CP;

- Báo cáo (kèm tài liệu chứng minh) về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh vận chuyển hàng không trong đó gồm các nội dung: Phương án về số lượng tàu bay dự kiến khai thác; phương án tổ chức bộ máy bảo đảm khai thác tàu bay, kinh doanh vận tải hàng không, phương án kinh doanh và chiến lược phát triển sản phẩm; nhãn hiệu dự kiến sử dụng; sơ đồ bộ máy tổ chức của doanh nghiệp;

- Bản chính văn bản xác nhận vốn;

- Hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận về việc mua, thuê mua hoặc thuê tàu bay;

- Bản sao Điều lệ hoạt động của doanh nghiệp;
- Danh sách thành viên, cổ đông tại thời điểm nộp hồ sơ; danh sách thành viên, cổ đông phải đảm bảo đầy đủ các thông tin: Họ và tên; ngày tháng năm sinh; quốc tịch; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; chỗ ở hiện tại; tỷ lệ phần vốn góp hay số cổ phần nắm giữ; người đại diện quản lý phần vốn góp đối với thành viên, cổ đông là tổ chức; thỏa thuận góp vốn của các cổ đông, thành viên (bản sao có xác nhận của doanh nghiệp hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản thông báo tiếp nhận hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp đóng phí thẩm định theo quy định. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ phí thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam tiến hành thẩm định hồ sơ và báo cáo Bộ Xây dựng kết quả thẩm định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Xây dựng xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp Bộ Xây dựng không chấp thuận kết quả thẩm định thì có văn bản trả lời Cục Hàng không Việt Nam và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Bộ Xây dựng, Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép Bộ Xây dựng cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung. Trường hợp không cho phép, Thủ tướng Chính phủ thông báo tới Bộ Xây dựng và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng cấp Giấy phép theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này hoặc thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc không cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.
 b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Xây dựng, Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 92/2016/NĐ-CP.

1.8. Phí, lệ phí: 20.000.000 đồng

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Tờ khai đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng không chung theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 15/2024/NĐ-CP.

- Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

*** Điều kiện về phương án bảo đảm có tàu bay khai thác**

1. Phương án bảo đảm có tàu bay khai thác bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Số lượng, chủng loại tàu bay, tuổi của tàu bay;
- b) Hình thức chiếm hữu;
- c) Phương án khai thác, bảo dưỡng và nguồn nhân lực bảo đảm khai thác, bảo dưỡng tàu bay.

2. Số lượng tàu bay duy trì trong suốt quá trình kinh doanh vận tải hàng không tối thiểu là 03 tàu bay đối với kinh doanh vận chuyển hàng không; tối thiểu là 01 tàu bay đối với kinh doanh hàng không chung.

*** Điều kiện về tổ chức bộ máy**

1. Có tổ chức bộ máy thực hiện hệ thống quản lý an toàn, an ninh, hoạt động khai thác tàu bay, bảo dưỡng tàu bay, huấn luyện bay, khai thác mặt đất.

2. Người được bổ nhiệm giữ vị trí phụ trách trong hệ thống quản lý an toàn, an ninh, khai thác tàu bay, bảo dưỡng tàu bay, huấn luyện bay phải có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm công tác liên tục trong lĩnh vực được bổ nhiệm, có văn bằng, chứng chỉ được cấp hoặc công nhận theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng.

3. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, số thành viên là người nước ngoài không được vượt quá một phần ba tổng số thành viên tham gia bộ máy điều hành. Bộ máy điều hành để tính tỷ lệ theo yêu cầu của khoản này gồm:

- a) Tổng Giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc);
- b) Kế toán trưởng;
- c) Người phụ trách các lĩnh vực: hệ thống quản lý an toàn; khai thác tàu bay; bảo dưỡng tàu bay; huấn luyện bay và người giữ chức vụ tương đương xác định theo bộ máy tổ chức của doanh nghiệp.

*** Điều kiện về vốn**

1. Mức vốn tối thiểu (bao gồm vốn chủ sở hữu và vốn vay) để thành lập và duy trì doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng không:

- a) Khai thác đến 10 tàu bay: 300 tỷ đồng Việt Nam;
- b) Khai thác từ 11 đến 30 tàu bay: 600 tỷ đồng Việt Nam;
- c) Khai thác trên 30 tàu bay: 700 tỷ đồng Việt Nam.

2. Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung: 100 tỷ đồng Việt Nam.

3. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không có vốn đầu tư nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện:

- a) Nhà đầu tư nước ngoài chiếm không quá 34% vốn điều lệ;
- b) Phải có ít nhất một cá nhân Việt Nam hoặc một pháp nhân Việt Nam giữ phần vốn điều lệ lớn nhất;
- c) Trường hợp pháp nhân Việt Nam có vốn đầu tư nước ngoài góp vốn thì phần vốn góp nước ngoài chiếm không quá 49% vốn điều lệ của pháp nhân.

*** Phương án kinh doanh và chiến lược phát triển**

Phương án kinh doanh và chiến lược phát triển của doanh nghiệp bao gồm các nội dung sau:

- 1. Đánh giá nhu cầu và xu hướng phát triển của thị trường.
- 2. Đánh giá thực tiễn và mức độ cạnh tranh dịch vụ được cung cấp trên thị trường.
- 3. Chiến lược phát triển sản phẩm vận chuyển hàng không, chiến lược phát triển đội tàu bay và kế hoạch phát triển kinh doanh của 05 năm đầu kể từ ngày khai thác.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

- Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

- Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;
- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;
- Nghị định 15/2024/NĐ-CP ngày 16/2/2024 sửa đổi, bổ sung Nghị định 30/2013/NĐ-CP về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định 92/2016/NĐ-CP quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;
- Nghị định 15/2024/NĐ-CP ngày 16/2/2024 sửa đổi, bổ sung Nghị định 30/2013/NĐ-CP về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định 92/2016/NĐ-CP quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

1.12. Mẫu đơn và mẫu kết quả TTHC:**1.12.1. Mẫu tờ khai:****Mẫu số 01****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI****Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng không chung**

Kính gửi:(tên Cơ quan thẩm định hoặc cấp Giấy đăng ký)

Tôi là: (ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa).....Giới tính:.....

Chức danh:.....

Ngày tháng năm sinh:...../...../.....Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân:

hoặc số Hộ chiếu:Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:.....Fax:Email:Website:

.....

Đại diện theo pháp luật của công ty:

Mã số doanh nghiệp:

Đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại với nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt:

Tên thương mại:

Nhân hiệu:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:Email:Website:

.....

Mã số doanh nghiệp:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	
2	
...	

4. Vốn điều lệ:

Tổng số:

Phần vốn góp của mỗi thành viên được liệt kê tại danh sách thành viên.

5. Vốn tối thiểu:

.....

6. Tên, địa chỉ chi nhánh:

7. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

.....

8. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Tôi và các thành viên cam kết:

- Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty;
- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp chính xác, trung thực của nội dung đề nghị cấp giấy phép.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Trường hợp biểu mẫu giấy: ký, đóng dấu và ghi rõ họ
tên/

Trường hợp biểu mẫu điện tử: ký số hợp lệ của tổ chức,
cá nhân)

Kèm theo đơn đề nghị:

-
-
-

Hướng dẫn:

- Công dân Việt Nam cung cấp thông tin số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân không cần khai các thông tin quốc tịch, ngày cấp, nơi cấp, giới tính, chỗ ở hiện tại trong Tờ khai.
- Công dân cung cấp thông tin về Hộ chiếu khai đầy đủ thông tin theo mẫu đơn.

2.12.2. Mẫu kết quả:

Mẫu số 02

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG/ GIẤY PHÉP KINH DOANH HÀNG KHÔNG CHUNG

Số:

Ngày cấp:

Ngày cấp lại lần thứ nhất:

Ngày cấp lại lần thứ hai:

1. Tên doanh nghiệp:

2. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài:

3. Tên doanh nghiệp viết tắt:

4. Tên thương mại:

5. Địa điểm trụ sở chính:

6. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

7. Phạm vi kinh doanh

7.1. Đối với kinh doanh vận chuyển hàng không, bao gồm:

- a) Đối tượng vận chuyển (hành khách, hàng hóa, bưu kiện):
- b) Loại hình vận chuyển (thường lệ, không thường lệ):

c) Phạm vi vận chuyển (quốc tế, nội địa):

7.2. Đối với kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại

a) Loại hình dịch vụ hàng không chung:

.....

b) Khu vực cung cấp dịch vụ hàng không chung:

8. Vốn điều lệ:

a) Tổng số:; có hoặc không có vốn nước ngoài:

b) Chủ sở hữu; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập và phần vốn góp của mỗi thành viên, cổ đông sáng lập đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần:

9. Tên, địa chỉ chi nhánh:

10. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

11. Họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số Chứng minh thư nhân dân (Thẻ căn cước công dân) hoặc số Hộ chiếu, nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....

.....

.....

.....

BỘ TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

¹ **Ghi chú:** Trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng, bị rách phải ghi: “Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận đã cấp số.... ngày.....tháng... năm....”

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại phải gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

a) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và có văn bản lấy ý kiến của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) về tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hàng không chung, loại tàu bay và khu vực bay hoặc thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cho người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do.

b) Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) có trách nhiệm trả lời Cục Hàng không Việt Nam trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Cục Hàng không Việt Nam cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này sau khi có ý kiến chấp thuận của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) hoặc thông báo từ chối cấp lại Giấy chứng nhận cho người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do.”.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Bằng các hình thức phù hợp khác.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Bản chính văn bản đề nghị đăng ký thay đổi theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2024/NĐ-CP;
- Các tài liệu liên quan đến các nội dung thay đổi.

b) Số lượng: 01 bộ

2.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và có văn bản lấy ý kiến của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) về tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hàng không chung, loại tàu bay và khu vực bay hoặc thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cho người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do.

Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) có trách nhiệm trả lời Cục Hàng không Việt Nam trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Cục Hàng không Việt Nam cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này sau khi có ý kiến chấp thuận của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) hoặc thông báo từ chối cấp lại Giấy chứng nhận cho người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam
- d) Cơ quan phối hợp: Không

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2024/NĐ-CP.

2.8. Phí, lệ phí: 5.000.000 đồng/lần

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC::

- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2024/NĐ-CP.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối tượng được cấp: pháp nhân Việt Nam; tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, có trụ sở chính tại Việt Nam; văn phòng đại diện hoặc chi nhánh của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam; công dân nước ngoài thường trú tại Việt Nam;

- Có tàu bay khai thác;

- Có cơ sở bảo dưỡng tàu bay hoặc có hợp đồng dịch vụ với cơ sở bảo dưỡng tàu bay được Bộ Giao thông vận tải cấp hoặc công nhận;

- Thành viên tổ lái được cấp Giấy phép, chứng chỉ phù hợp;

- Loại hình hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại dự định thực hiện phù hợp chức năng hoạt động của tổ chức, nhu cầu riêng của cá nhân đề nghị cấp;

- Đáp ứng yêu cầu đảm bảo quốc phòng, an ninh quốc gia.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

- Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

- Nghị định số 15/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 2 năm 2024 sửa đổi, bổ sung Nghị định 30/2013/NĐ-CP về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định 92/2016/NĐ-CP quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

2.12. Mẫu đơn và mẫu kết quả TTHC:**2.12.1. Mẫu đơn:****Mẫu số 10**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
HÀNG KHÔNG CHUNG

Kính gửi:(tên Cơ quan thẩm định hoặc cấp Giấy đăng ký)
 Tôi là: (ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa).....Giới tính:.....
 Chức danh:
 Ngày tháng năm sinh:Quốc tịch:
 Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân:
 hoặc số Hộ chiếu:Ngày cấp.....Nơi cấp.....
 Chỗ ở hiện tại:
 Điện thoại:.....Fax:Email:Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty (đối với tổ chức):

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung với
những nội dung sửa đổi như sau:

Nội dung sửa đổi:

Lý do sửa đổi:

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Đối với tổ chức;

Trường hợp biểu mẫu giấy: ký, đóng dấu và ghi rõ họ
tên/

Trường hợp biểu mẫu điện tử: ký số hợp lệ của tổ chức)

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Trường hợp biểu mẫu giấy: ký, đóng dấu và ghi rõ họ
tên/

Trường hợp biểu mẫu điện tử: ký số hợp lệ của cá nhân)

Kèm theo Đơn đề nghị:

-
-
-

Hướng dẫn:

- Công dân Việt Nam cung cấp thông tin Số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân không cần khai các thông tin quốc tịch, ngày cấp, nơi cấp, giới tính, chỗ ở hiện tại trong Đơn đề nghị.
- Công dân cung cấp thông tin về Hộ chiếu khai đầy đủ thông tin theo mẫu đơn.

2.12.2. Mẫu kết quả:**Mẫu số 03**

BỘ XÂY DỰNG
.....(tên cơ quan thẩm định
hoặc cấp Giấy đăng ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG KHÔNG CHUNG

Số:

Ngày cấp:

Ngày cấp bổ sung lần thứ nhất:

Ngày cấp bổ sung lần thứ hai:

1. Tên tổ chức (đối với tổ chức):

2. Số và ngày cấp Giấy phép thành lập, Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức):

3. Họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu, chỗ ở hiện tại (đối với cá nhân):

4. Tên giao dịch (đối với tổ chức):

5. Địa điểm trụ sở chính (đối với tổ chức):

6. Nhãn hiệu của tổ chức hoặc cá nhân:

7. Loại hình hoạt động dự định thực hiện:

8. Cảng hàng không, sân bay căn cứ của tàu bay:

9. Số lượng, chủng loại, số hiệu đăng ký của tàu bay:

.....

10. Họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu, số và ngày cấp Giấy phép lái tàu bay của thành viên tổ bay:

.....

.

.....

11. Họ tên, số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân, chỗ ở hiện tại của người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

.....

.....

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH HOẶC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

3. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại phải gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ và có văn bản lấy ý kiến của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) về tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hàng không chung, loại tàu bay, khu vực bay hoặc thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cho người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do.

Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) có trách nhiệm trả lời Cục Hàng không Việt Nam trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2024/NĐ-CP sau khi có ý kiến chấp thuận của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) hoặc thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cho người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính.; hoặc
- Bằng các hình thức phù hợp khác.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2024/NĐ-CP;

- Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập, Giấy phép hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức).

Không yêu cầu nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khai thác được thông tin về đăng ký doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) các tài liệu sau: Thẻ thường trú tại Việt Nam (đối với công dân nước ngoài thường trú tại Việt Nam); Giấy phép thành lập văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam (đối với văn phòng đại diện và chi nhánh của tổ chức nước ngoài);

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) các loại tài liệu sau: Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay, Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay của tàu bay;

- Bản chính Phương án khai thác, bảo dưỡng tàu bay;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) các loại tài liệu sau: Giấy phép, chứng chỉ phù hợp của thành viên tổ bay;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) Giấy phép hoạt động của cơ sở bảo dưỡng tàu bay;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) hợp đồng thuê bảo dưỡng tàu bay trong trường hợp thuê dịch vụ bảo dưỡng.

b) Số lượng: 01 bộ

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ và có văn bản lấy ý kiến của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) về tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hàng không chung, loại tàu bay, khu vực bay hoặc thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cho người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do.

- Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) có trách nhiệm trả lời Cục Hàng không Việt Nam trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2024/NĐ-CP sau khi có ý kiến chấp thuận của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) hoặc thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cho người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam

d) Cơ quan phối hợp: Không

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2024/NĐ-CP

3.8. Phí, lệ phí: 10.000.000 đồng/lần

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2024/NĐ-CP.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối tượng được cấp: pháp nhân Việt Nam; tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, có trụ sở chính tại Việt Nam; văn phòng đại diện hoặc chi nhánh của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam; công dân nước ngoài thường trú tại Việt Nam;

- Có tàu bay khai thác;

- Có cơ sở bảo dưỡng tàu bay hoặc có hợp đồng dịch vụ với cơ sở bảo dưỡng tàu bay được Bộ Giao thông vận tải cấp hoặc công nhận;

- Thành viên tổ lái được cấp Giấy phép, chứng chỉ phù hợp;

- Loại hình hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại dự định thực hiện phù hợp chức năng hoạt động của tổ chức, nhu cầu riêng của cá nhân đề nghị cấp;

- Đáp ứng yêu cầu đảm bảo quốc phòng, an ninh quốc gia.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

- Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

- Nghị định số 15/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 2 năm 2024 sửa đổi, bổ sung Nghị định 30/2013/NĐ-CP về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định 92/2016/NĐ-CP quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

- Nghị định số 15/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 2 năm 2024 sửa đổi, bổ sung Nghị định 30/2013/NĐ-CP về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định 92/2016/NĐ-CP quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

3.12. Mẫu đơn và mẫu kết quả TTHC:

3.12.1. Mẫu đơn:

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG KHÔNG CHUNG

Kính gửi:(tên Cơ quan thẩm định hoặc cấp Giấy đăng ký)
Tôi là: (ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa)Giới tính:
Chức danh:
Ngày tháng năm sinh:/...../..... Quốc tịch:

Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân:
hoặc số Hộ chiếu: Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại:.....Fax:Email:Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty (đối với tổ chức):

Đề nghị cấp Giấy đăng ký hoạt động hàng không chung với nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp hoặc cá nhân:
 2. Địa chỉ trụ sở chính hoặc địa chỉ nơi cư trú:
- Điện thoại:.....Fax:Email:Website:

Giấy phép thành lập hoặc Giấy phép hoạt động hoặc mã số doanh nghiệp (đối với tổ chức):.....

3. Nhân hiệu của tổ chức hoặc cá nhân:

4. Loại hình dự kiến hoạt động:

5. Cảng hàng không, sân bay căn cứ:

6. Số lượng, chủng loại, số hiệu đăng ký tàu bay:

7. Họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu, số và ngày cấp Giấy phép lái tàu bay của thành viên tổ bay:

.....

8. Họ tên, số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu, chỗ ở hiện tại của người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

.....

Tôi và các thành viên cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp chính xác, trung thực của nội dung đề nghị cấp giấy phép.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Trường hợp biểu mẫu giấy: ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên/Trường hợp biểu mẫu điện tử: ký số hợp lệ của tổ chức, cá nhân)

Kèm theo Đơn đề nghị:

-

-

Hướng dẫn:

- Công dân Việt Nam cung cấp thông tin Số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân không cần khai các thông tin quốc tịch, ngày cấp, nơi cấp, giới tính, chỗ ở hiện tại trong Đơn đề nghị.

- Công dân cung cấp thông tin về Hộ chiếu khai đầy đủ thông tin theo mẫu đơn.

3.12.2. Mẫu kết quả:

Mẫu số 03

BỘ XÂY DỰNG
.....(tên cơ quan thẩm định
hoặc cấp Giấy đăng ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG KHÔNG CHUNG

Số:

Ngày cấp:

Ngày cấp bổ sung lần thứ nhất:

Ngày cấp bổ sung lần thứ hai:

1. Tên tổ chức (đối với tổ chức):

2. Số và ngày cấp Giấy phép thành lập, Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức):

3. Họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu, chỗ ở hiện tại (đối với cá nhân):

4. Tên giao dịch (đối với tổ chức):

5. Địa điểm trụ sở chính (đối với tổ chức):

6. Nhân hiệu của tổ chức hoặc cá nhân:

7. Loại hình hoạt động dự định thực hiện:

8. Cảng hàng không, sân bay căn cứ của tàu bay:

9. Số lượng, chủng loại, số hiệu đăng ký của tàu bay:

.....

10. Họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu, số và ngày cấp Giấy phép lái tàu bay của thành viên tổ bay:

.....

...

11. Họ tên, số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân, chỗ ở hiện tại của người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

.....

....

**CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH HOẶC CẤP GIẤY ĐĂNG
KÝ**
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

4. Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay

5.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ.

a) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay theo mẫu. Trường hợp không cấp giấy phép Cục Hàng không Việt Nam phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản trả lời hướng dẫn người đề nghị hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử; hoặc
- Bằng các hình thức phù hợp khác.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;
- Bản sao tài liệu giải trình của doanh nghiệp về việc đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định 92/2016/NĐ-CP;
- Bản chính hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính văn bản xác nhận vốn trừ trường hợp doanh nghiệp có tổ chức bộ máy bảo đảm việc cung ứng các dịch vụ hàng không liên quan tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng.

b) Số lượng: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

4.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

4.8. Phí, lệ phí:

- Cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không quốc tế: 50.000.000 đồng
- Cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không khác: 30.000.000 đồng

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Tờ khai cấp/cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

4.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm b, c, d khoản 2 Điều 65 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và được Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, đánh giá theo phân ngành dịch vụ tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định 92/2016/NĐ-CP.

* Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay:

- Cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách: 30 tỷ đồng Việt Nam;
- Cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa: 30 tỷ đồng Việt Nam;
- Cung cấp dịch vụ xăng dầu hàng không: 30 tỷ đồng Việt Nam.

* Doanh nghiệp cảng hàng không cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách; dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa không phải đáp ứng điều kiện quy định về mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp.

* Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, dịch vụ xăng dầu hàng không, dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất, dịch vụ khai thác khu bay, tỷ lệ vốn góp của cá nhân, tổ chức nước ngoài không được quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

- Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 09 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 15/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

4.12. Mẫu tờ khai và kết quả của TTHC:

4.12.1 Mẫu tờ khai

TÊN DOANH NGHIỆP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm

V/v đề nghị cấp/cấp lại

TỜ KHAI CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ

Căn cứ

Công ty..... đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không (sân bay).....

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).
2. Mã số doanh nghiệp:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).
5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):
6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật¹ (ngày tháng năm sinh, giới tính, Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân).
7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).
8. Nội dung đề nghị²: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

Nơi nhận:

-

-

GIÁM ĐỐC

Ghi chú:

¹ Đối với công dân Việt Nam cung cấp thông tin số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân không cần khai thông tin về giới tính.

² Đối với đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: tên địa chỉ của người đề nghị; loại hình dịch vụ cung cấp/địa điểm cung cấp dịch vụ; quy mô cung cấp dịch vụ.

4.12.2. Mẫu kết quả

BỘ XÂY DỰNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
Số: /GPCCDV-CHK	
GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY Cấp lần đầu: Cấp lần thứ:	
TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG:	
SỐ, NGÀY CẤP, NƠI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG	
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY NƠI CUNG CẤP DỊCH VỤ:	
LĨNH VỰC DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG ĐƯỢC CUNG CẤP:	
PHẠM VI CUNG CẤP DỊCH VỤ	
GHI CHÚ:	
Ngày, tháng, năm cấp:/...../.....	CỤC TRƯỞNG

5. Cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay

5.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Đối với giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay; trường hợp không cấp phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

- Đối với giấy phép cấp lại do bị mất, rách, hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;
- Bản sao các tài liệu có liên quan đến việc thay đổi nội dung giấy phép (nếu có).

b) Số lượng: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Đối với giấy phép cấp lại do bị mất, rách, hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

5.6. Cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

5.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

5.8. Phí, lệ phí:

a) Cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không quốc tế:

- Cấp lại do thay đổi nội dung: 30.000.000 đồng;
- Cấp lại do bị mất, rách, hỏng: 5.000.000 đồng.

b) Cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không khác:

- Cấp lại do thay đổi nội dung: 20.000.000 đồng;
- Cấp lại do bị mất, rách, hỏng: 5.000.000 đồng.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Tờ khai cấp/cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không.
- Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

5.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm b, c, d khoản 2 Điều 65 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và được Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, đánh giá theo phân ngành dịch vụ tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định 92/2016/NĐ-CP.

* Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay:

- Cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách: 30 tỷ đồng Việt Nam;
- Cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa: 30 tỷ đồng Việt Nam;
- Cung cấp dịch vụ xăng dầu hàng không: 30 tỷ đồng Việt Nam.

* Doanh nghiệp cảng hàng không cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách; dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa không phải đáp ứng điều kiện quy định về mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp.

* Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, dịch vụ xăng dầu hàng không, dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất, dịch vụ khai thác khu bay, tỷ lệ vốn góp của cá nhân, tổ chức nước ngoài không được quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

- Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 09 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 15/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung

và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

5.12. Mẫu tờ khai và kết quả của TTHC:

5.12.1 Mẫu tờ khai

TÊN DOANH NGHIỆP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm

V/v đề nghị cấp/cấp lại

TỜ KHAI CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ

Căn cứ

Công ty..... đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không (sân bay).....

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).
2. Mã số doanh nghiệp:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).
5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):
6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật¹ (ngày tháng năm sinh, giới tính, Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân).
7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).
8. Nội dung đề nghị²: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

Nơi nhận:

-

-

GIÁM ĐỐC

Ghi chú:

¹ Đối với công dân Việt Nam cung cấp thông tin số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân không cần khai thông tin về giới tính.

² Đối với đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: tên địa chỉ của người đề nghị; loại hình dịch vụ cung cấp/địa điểm cung cấp dịch vụ; quy mô cung cấp dịch vụ.

5.12.2. Mẫu kết quả

BỘ XÂY DỰNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
Số: /GPCCDV-CHK	
GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY Cấp lần đầu: Cấp lần thứ:	
TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG: SỐ, NGÀY CẤP, NƠI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG	
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY NƠI CUNG CẤP DỊCH VỤ:	
LĨNH VỰC DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG ĐƯỢC CUNG CẤP:	
PHẠM VI CUNG CẤP DỊCH VỤ	
GHI CHÚ:	
Ngày, tháng, năm cấp: / /	CỤC TRƯỞNG

6. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, kiểm tra đánh giá thực tế cơ sở; yêu cầu người đề nghị giải trình bổ sung các nội dung liên quan, chỉnh sửa tài liệu; cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không cho cơ sở đề nghị theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến cơ sở đề nghị; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Nộp hồ sơ trên môi trường điện tử.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị theo mẫu quy định;
- Tài liệu giải trình tổ chức huấn luyện về việc đáp ứng yêu cầu theo quy định bao gồm:

- + Danh sách trích ngang giáo viên;
- + Báo cáo về cơ sở vật chất: Phòng học, trang thiết bị, cơ sở hoặc nơi thực hành phù hợp với nội dung đào tạo;
- + Báo cáo về chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo, huấn luyện lý thuyết, thực hành liên quan đến từng môn học;
- + Báo cáo về hệ thống tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ quản lý và hệ thống văn bản quản lý đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

b) Số lượng: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: 18 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

6.8. Phí, lệ phí: 20.000.000 đồng/lần.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không;

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

Được Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

- Yêu cầu về tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giảng viên quy định, tại Điều 25, 26 của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP;

- Yêu cầu về chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu đào tạo huấn luyện theo quy định của pháp luật hiện hành.

* Yêu cầu đối với cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Có tài liệu giải trình cơ sở vật chất đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hàng không theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Có tài liệu giải trình chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu đào tạo huấn luyện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải bảo đảm đủ giáo viên lý thuyết, giáo viên thực hành để mỗi môn học chuyên ngành hàng không phải có ít nhất 01 giáo viên giảng dạy.

* Giáo viên của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

Tiêu chuẩn giáo viên chuyên ngành hàng không phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- Có chứng chỉ chuyên môn theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không hoặc có kinh nghiệm 5 năm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến môn giảng dạy.

- Có nghiệp vụ sư phạm theo pháp luật về giáo dục hoặc giáo dục nghề nghiệp.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

- Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 09 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

6.12. Mẫu đơn và kết quả của TTHC:

6.12.1. Mẫu đơn:

TÊN CƠ SỞ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không viết tắt (nếu có):

.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy phép thành lập/đăng ký doanh nghiệp số:

Do: cấp ngày tháng năm ... tại

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ: Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Đại diện theo pháp luật

Họ và tên: Chức vụ: Quốc tịch:

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

- Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không:

.....

- Địa chỉ cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không:

+ Cơ sở 1:

+ Cơ sở 2:

được thành lập theo Quyết định số, ngày của

- Điện thoại: Fax: E.mail:

- Phạm vi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ:

- Quy mô đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ:

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị, hồ sơ kèm theo và chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động nói chung và phạm vi hoạt động được quy định trong Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không./.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

6.12.2. Mẫu kết quả:

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
CIVIL AVIATION AUTHORITY
OF VIET NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/ N°: /GCN-CHK

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN
NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG
CERTIFICATE OF COMPETENCE TO PROVIDE PROFESSIONAL
TRAINING FOR AVIATION PERSONNEL
CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CHỨNG NHẬN
DIRECTOR GENERAL OF CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM
CERTIFIES THAT**

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ

Đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định tại
..... với (các) chức danh:

Training Organization

Is qualified to provide professional training for aviation personnel in accordance with
..... for the following position
(s):

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...
Ha Noi, day ... month ... year 20...

**CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL**

Số QĐ/Decision N°:/QĐ-CHK
Có giá trị từ ngày (Validity from):
..... đến ngày (to):

7. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận do bị mất, rách, hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại giấy chứng nhận hoặc thông báo từ chối cấp bằng văn bản, nêu rõ lý do.

- Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, kiểm tra đánh giá thực tế cơ sở; yêu cầu người đề nghị giải trình bổ sung các nội dung liên quan; cấp lại Giấy chứng nhận hoặc thông báo từ chối cấp lại giấy chứng nhận bằng văn bản, nêu rõ lý do.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Bằng các hình thức phù hợp khác.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 89/2019/NĐ-CP;
- Các tài liệu liên quan đến việc thay đổi nội dung giấy chứng nhận (nếu có).

b) Số lượng: 01 bộ

7.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận do bị mất, rách, hỏng: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.
- Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận: 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân (Trừ lĩnh vực đào tạo nhân viên an ninh hàng không)

7.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam
- d) Cơ quan phối hợp: Không

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

7.8. Phí, lệ phí:

- Cấp lại do thay đổi nội dung: 15.000.000 đồng/lần
- Cấp lại do mất, rách, hỏng 2.400.000 đồng/lần

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 89/2019/NĐ-CP.

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

Được Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

- Yêu cầu về tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giảng viên quy định, tại Điều 25, 26 của Nghị định 92/2016/NĐ-CP;

- Yêu cầu về chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu đào tạo huấn luyện do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định.

* Yêu cầu đối với cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Có tài liệu giải trình cơ sở vật chất đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hàng không theo quy định do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.

- Có tài liệu giải trình chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu đào tạo huấn luyện theo quy định do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.

- Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải bảo đảm đủ giáo viên lý thuyết, giáo viên thực hành để mỗi môn học chuyên ngành hàng không phải có ít nhất 01 giáo viên giảng dạy.

* Giáo viên của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

Tiêu chuẩn giáo viên chuyên ngành hàng không phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- Có chứng chỉ chuyên môn theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không hoặc có kinh nghiệm 5 năm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến môn giảng dạy.

- Có nghiệp vụ sư phạm theo pháp luật về giáo dục hoặc giáo dục nghề nghiệp.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

- Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

7.12. Mẫu đơn và kết quả của TTHC

7.12.1. Mẫu đơn:

TÊN CƠ SỞ:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không viết tắt (nếu có):

.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Đại diện theo pháp luật:.....

Họ và tên: Chức vụ: Quốc tịch:

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp lại/sửa đổi/bổ sung nội dung Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

- Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không:

.....

- Giấy chứng nhận được cấp số: ngày nơi cấp

- Lý do xin cấp lại:

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động nói chung và phạm vi hoạt động được quy định trong Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không./.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

7.12.2. Mẫu kết quả:

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
CIVIL AVIATION AUTHORITY
OF VIET NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/ N°: /GCN-CHK

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN
NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG
CERTIFICATE OF COMPETENCE TO PROVIDE PROFESSIONAL
TRAINING FOR AVIATION PERSONNEL
CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CHỨNG NHẬN
DIRECTOR GENERAL OF CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM
CERTIFIES THAT**

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ

.....
Đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định tại
..... với (các) chức danh:

Training Organization

.....
Is qualified to provide professional training for aviation personnel in accordance with
..... for the following position
(s):

.....
Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

Ha Noi, day ... month ... year 20...

**CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL**

Số QĐ/Decision N°:/QĐ-CHK

Có giá trị từ ngày (Validity from):

..... đến ngày (to):

8. Cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không

8.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Bộ Xây dựng và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Xây dựng tổ chức thẩm định, cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến người đề nghị; trường hợp không cấp Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

8.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu;
- Bản chính hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử) văn bản xác nhận vốn;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Phương án về trang bị, thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác để bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Xây dựng
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng.
- d) Cơ quan phối hợp: Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không.

8.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

8.8. Phí, lệ phí: Không có.

8.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.
- Giấy phép Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

8.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;
- Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;
- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;
- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

8.11. Mẫu tờ khai và kết quả của TTHC:**8.11.1 Mẫu tờ khai:****TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngàytháng....năm....

V/v đề nghị cấp/cấp lại/Giấy
phép kinh doanh cảng hàng
không**TỜ KHAI CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG**

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Căn cứ.....

Căn cứ.....

Công ty đề nghị Bộ Xây dựng cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không với các nội dung chi tiết như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Địa chỉ liên lạc:

- Tên người có trách nhiệm:

- Địa chỉ thư tín:.....

- Địa chỉ thư điện tử:.....

- Điện thoại Fax

5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật¹:

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:.....

- Quốc tịch: Giới tính:

- Số chứng minh nhân dân/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

Ngày cấp: Nơi cấp:

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị: đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

Nơi nhận:

-

-

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: ¹ Công dân Việt Nam cung cấp số định danh cá nhân không cần kê khai các thông tin quốc tịch, giới tính, ngày cấp, nơi cấp.

BỘ XÂY DỰNG ----- Số:/GPKDCHK-BXD	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG Cấp lần.....	
TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG:	
SỐ, NGÀY CẤP, NƠI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG	
TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG GHI CHÚ:	
Ngày, tháng, năm cấp:/...../..... Nơi nhận: -; - Lưu.....	BỘ TRƯỞNG <i>(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>

9. Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng

9.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

a) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định cho Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định, Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do.

9.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng cửa tạm thời cảng hàng không, sân bay;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Quyết định phê duyệt dự án cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng của cơ quan có thẩm quyền;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết:

- Thẩm định: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

- Quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai thác cảng hàng không, sân bay.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Xây dựng.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam (thẩm định), Bộ Xây dựng (quyết định).

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

9.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay.

9.8. Phí, lệ phí: Không có.

9.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC: Không có.

9.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

10. Đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay

10.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định việc đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; quyết định việc đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay. Trong trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

10.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình xin phép đóng cửa tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: lý do đóng tạm thời; vị trí và phạm vi đóng tạm thời; thời gian đóng tạm thời phù hợp với quy định thông báo tin tức hàng không;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Sơ đồ bản vẽ chi tiết khu vực đóng tạm thời;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Phương án bảo đảm duy trì hoạt động liên quan đến công trình đóng tạm thời;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình đóng tạm thời.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết: 08 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

10.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.

10.8. Phí, lệ phí: Không có.

10.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC: Không quy định

10.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

10.12. Mẫu kết quả của TTHC:

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

Số:/QĐ-CHK

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay
CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP quy định về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Xét đề nghị của Phòng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay với các nội dung sau:

1. Tên:

2. Vị trí và phạm vi đóng tạm thời:

3. Lý do đóng tạm thời:

4. Thời gian đóng tạm thời:

5. Phương án đảm bảo duy trì hoạt động liên quan đến công trình đóng tạm thời và biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình đóng tạm thời:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Người khai thác công trình (*ghi rõ tên người khai thác công trình*) có trách nhiệm:

- Tuân thủ phương án đảm bảo duy trì hoạt động liên quan đến công trình đóng tạm thời và biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình đóng tạm thời, đảm bảo an ninh, an toàn, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong thời gian đóng tạm thời.

- Thông báo các nội dung nêu trên đến các cơ quan, đơn vị liên quan hoạt động tại cảng hàng không (*ghi rõ tên cảng hàng không*) để phối hợp điều hành hoạt động khai thác đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Điều 4.¹ Cơ quan thông báo tin tức hàng không (*ghi rõ tên đơn vị*) có trách nhiệm thông báo tin tức hàng không theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Cảng vụ hàng không kiểm tra, giám sát phương án đảm bảo duy trì hoạt động liên quan đến công trình đóng tạm thời và biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình đóng tạm thời, đảm bảo an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Các ông/bà , Giám đốc Cảng vụ hàng không, Trưởng phòng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

-;
- Lưu:.....

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: ¹ Áp dụng khi có quy định của pháp luật về thông báo tin tức hàng không đối với kết cấu hạ tầng hàng không đóng cửa tạm thời.

11. Chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay

11.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam (đối với các phương án quy định tại khoản 3 Điều 50 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP) hoặc Cảng vụ hàng không (đối với các phương án quy định tại khoản 4 Điều 50 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP).

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam (đối với quy định tại khoản 3 Điều này) hoặc Cảng vụ hàng không (đối với quy định tại khoản 4 Điều này) có trách nhiệm thẩm định, ban hành văn bản chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay trong quá trình thi công và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến cho chủ đầu tư. Trường hợp từ chối chấp thuận, phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị, nêu rõ lý do.

11.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay trong quá trình thi công kèm phương án điều chỉnh khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, phương án điều chỉnh khai thác hệ thống thiết bị đảm bảo hoạt động bay (nếu có);

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Thỏa thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay với cơ quan, đơn vị liên quan;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy phép xây dựng đối với các công trình thuộc đối tượng phải cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Chủ đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay.

11.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không; Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không; Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

11.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

11.8. Phí, lệ phí: Không có.

11.9. Mẫu đơn, mẫu tờ; mẫu kết quả giải quyết TTHC: Không quy định.

11.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

12. Phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư

12.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình tại cảng hàng không, sân bay tổ chức lập bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 trong phạm vi ranh giới dự án được cấp có thẩm quyền giao đầu tư và gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, thẩm định, phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến chủ đầu tư dự án. Trường hợp từ chối phê duyệt, Cục Hàng không Việt Nam nêu rõ lý do.

12.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hồ sơ bản vẽ tổng mặt bằng, bao gồm: thuyết minh bản vẽ tổng mặt bằng và các bản vẽ có liên quan;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử chụp văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản giải trình các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết: 27 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình tại cảng hàng không, sân bay.

12.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

12.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư.

12.8. Phí, lệ phí: Không có.

12.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC: Không có.

12.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

13. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình

13.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Khi có sự thay đổi về các thông số kỹ thuật của các công trình, quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ, người khai thác công trình phải tiến hành cập nhật vào các trang tu chỉnh của tài liệu khai thác công trình. Định kỳ một lần trong năm, người khai thác công trình rà soát và trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt lại tài liệu khai thác công trình khi có sự thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu khai thác công trình. Người khai thác công trình gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác công trình, phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến người đề nghị. Trường hợp từ chối phê duyệt, Cục Hàng không Việt Nam phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

13.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Tài liệu chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

13.4. Thời hạn giải quyết: 08 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.

13.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

13.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hoặc Công văn phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình.

13.8. Phí, lệ phí: Không có

13.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC: Không có.

13.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

13.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;
- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;
- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;
- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

PHẦN V. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

1. Thiết lập, công bố phương thức liên lạc chung đối với hoạt động bay trong vùng trời cho khu vực bay, đường bay phục vụ hoạt động hàng không chung

- Trình tự thực hiện: (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính)

Cục Hàng không Việt Nam chủ trì, phối hợp với Cục Tác chiến, Quân chủng Phòng không - Không quân xác định và công bố phương thức liên lạc chung đối với hoạt động bay trong vùng trời cho khu vực bay, đường bay phục vụ hoạt động hàng không chung.

- Cách thức thực hiện: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc hệ thống văn bản điện tử.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị công bố phương thức liên lạc chung đối với hoạt động bay trong vùng trời cho khu vực bay, đường bay phục vụ hoạt động hàng không chung.

+ Quyết định thiết lập khu vực bay, đường bay phục vụ hoạt động hàng không chung

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Tác chiến – Bộ Quốc phòng

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản công bố phương thức liên lạc chung đối với hoạt động bay trong vùng trời cho khu vực bay, đường bay phục vụ hoạt động hàng không chung.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Văn bản đề nghị công bố phương thức liên lạc chung đối với hoạt động bay trong vùng trời cho khu vực bay, đường bay phục vụ hoạt động hàng không chung

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 125/2015/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay.

+ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

2. Thủ tục thông báo chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam

- Trình tự thực hiện: Các đơn vị gồm Văn phòng Trung ương Đảng; Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Quốc hội; Ban Đối ngoại Trung ương Đảng gửi thông báo chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam được gửi bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu **chính** đến các cơ quan, đơn vị sau:

+ Chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang do hãng hàng không của Việt Nam thực hiện vận chuyển nội địa: Bộ Công an (Bộ Tư lệnh Cảnh vệ), Bộ Xây dựng (Cục Hàng không Việt Nam), Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến, Quân chủng Phòng không - Không quân), doanh nghiệp được đặt hàng thực hiện chuyến bay;

+ Chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang do hãng hàng không của Việt Nam thực hiện vận chuyển quốc tế: Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự, Cục Lễ tân Nhà nước), Bộ Công an (Bộ Tư lệnh Cảnh vệ), Bộ Xây dựng (Cục Hàng không Việt Nam), Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến, Quân chủng Phòng không - Không quân), doanh nghiệp được đặt hàng thực hiện chuyến bay;

+ Chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang do đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện vận chuyển nội địa: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (Bộ Tư lệnh Cảnh vệ), doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

+ Chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang do đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện vận chuyển quốc tế: Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự, Cục Lễ tân Nhà nước), Bộ Công an (Bộ Tư lệnh Cảnh vệ), Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng (Cục Hàng không Việt Nam), doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam trong đó nêu rõ các nội dung sau: Đối tượng được phục vụ và số lượng, thành phần đoàn; Hành trình chuyến bay; Hãng hàng không của Việt Nam hoặc đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng được đặt hàng hoặc giao thực hiện chuyến bay; Yêu cầu về nghi lễ đón, tiễn; Yêu cầu về bảo đảm an ninh, quốc phòng và các yêu cầu cụ thể khác.

+ Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Ngay sau khi tiếp nhận thông báo chuyến bay chuyên cơ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng Trung ương Đảng; Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Quốc hội; Ban Đối ngoại Trung ương Đảng.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng (Cục Hàng không Việt Nam), Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến, Quân chủng Phòng không - Không quân).

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm triển khai thông báo chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam tới các cơ quan, đơn vị sau:

(1) Cảng vụ hàng không;

(2) Hãng hàng không của Việt Nam được đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang;

(3) Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam, Trung tâm Quản lý luồng không lưu;

(4) Người khai thác cảng hàng không, sân bay nơi có tàu bay chuyên cơ, chuyên khoang cất cánh, hạ cánh.

+ Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến, Quân chủng Phòng không - Không quân) cấp phép bay cho các chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang do các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam và vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):
 - + Đối với các chuyến bay chuyên cơ: Thông báo chuyến bay chuyên cơ được gửi tối thiểu là 05 ngày trước ngày dự định thực hiện chuyến bay đối với bay nội địa; tối thiểu 10 ngày trước ngày dự định thực hiện chuyến bay đối với bay quốc tế; trừ trường hợp đặc biệt;
 - + Đối với các chuyến bay chuyên khoang: Thông báo chuyến bay chuyên khoang được gửi tối thiểu là 24 giờ trước giờ dự định cất cánh của chuyến bay đối với bay nội địa; tối thiểu 05 ngày trước ngày dự định thực hiện chuyến bay đối với bay quốc tế; trừ trường hợp đặc biệt;
 - + Đối với chuyến bay chuyên cơ do đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện: Thông báo chuyến bay chuyên cơ do đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện được gửi tối thiểu là 05 ngày trước ngày dự định thực hiện chuyến bay; trừ trường hợp đặc biệt.
- Căn cứ pháp lý thực hiện:
 - + Nghị định số 96/2021/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.
 - + Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng.
 - + Thông tư số 25/2022/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.
 - + Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

3. Thông báo chuyển bay chuyên cơ của nước ngoài

- Trình tự thực hiện: Các đơn vị gồm Văn phòng Trung ương Đảng; Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Quốc hội; Ban Đối ngoại Trung ương Đảng; Bộ Quốc phòng (Cục Đối ngoại); Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự, Cục Lễ tân Nhà nước) gửi thông báo chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của nước ngoài được gửi bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc qua hệ thống bưu chính tới: Bộ Công an (Bộ Tư lệnh Cảnh vệ), Bộ Xây dựng (Cục Hàng không Việt Nam), Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến, Quân chủng Phòng không - Không quân).

- Cách thức thực hiện: Không quy định.

- Thành phần hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam trong đó nêu rõ các nội dung sau: Đối tượng được phục vụ và số lượng, thành phần đoàn; Hành trình chuyến bay; Hãng hàng không, cơ quan, tổ chức khác của nước ngoài thực hiện; Yêu cầu về nghi lễ đón, tiễn; Yêu cầu về bảo đảm an ninh, an toàn và các yêu cầu cụ thể khác (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Ngay sau khi tiếp nhận thông báo chuyển bay chuyên cơ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng Trung ương Đảng; Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Quốc hội; Ban Đối ngoại Trung ương Đảng; Bộ Quốc phòng (Cục Đối ngoại); Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự, Cục Lễ tân Nhà nước).

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng (Cục Hàng không Việt Nam), Bộ Ngoại giao (Cục lãnh sự).

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm triển khai thông báo chuyển bay chuyên cơ của nước ngoài tới các cơ quan, đơn vị sau:

(1) Cảng vụ hàng không;

(2) Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam, Trung tâm Quản lý luồng không lưu;

(3) Doanh nghiệp cảng hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay nơi có tàu bay chuyên cơ cất cánh, hạ cánh.

+ Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự) cấp phép bay cho chuyển bay chuyên cơ của nước ngoài

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Thông báo chuyển bay chuyên cơ của nước ngoài được gửi tối thiểu là 07 ngày trước ngày dự định thực hiện chuyến bay, trừ trường hợp đặc biệt.

- Căn cứ pháp lý thực hiện:

+ Nghị định số 96/2021/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về công tác bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang.

+ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng.

+ Thông tư số 25/2022/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn công tác bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang.

+ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.